

NGOẠI GIAO VĂN HÓA TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Thái Giao Thủy
Trường Đại học Sài Gòn

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/09/2023

Ngày phản biện: 4/10/2023

Ngày duyệt đăng: 03/11/2023

Title:

Culture diplomacy in Vietnam's foreign policy period of innovation and international integration.

Từ khóa:

Chính sách đối ngoại, ngoại giao văn hoá, quyền lực mềm, sau đổi mới.

Keywords:

Foreign policy, cultural diplomacy, soft power, after innovation.

TÓM TẮT: Bước vào thế kỷ XXI, ngoại giao văn hóa đã được nhiều nước sử dụng rộng rãi như một thành tố quan trọng nhất, là quyền lực mềm cho sự phát triển đất nước, củng cố và xây dựng lòng tin để thắt chặt các mối quan hệ với các quốc gia khác. Từ đây, các nước bắt đầu vạch ra các chiến lược gia tăng quyền lực mềm ngoại giao văn hóa với các mục tiêu khác nhau nhằm tìm kiếm sự đồng thuận và hợp tác để nâng cao tầm ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế. Bài viết này trình bày sự thay đổi tích cực trong chính sách đối ngoại Việt Nam với việc triển khai ngoại giao văn hoá nhằm gia tăng quyền lực mềm của mình với các nước từ sau đổi mới đến nay.

ABSTRACT: Entering the 21st century, cultural diplomacy has been widely used by many countries as the most important element, soft power for national development, strengthening and building trust to tighten relationships. system with different countries. From here, countries began to draw up strategies to increase their cultural diplomacy soft power with different goals. The aim was to seek consensus and cooperation to enhance their influence in the international arena. This article presents a positive change in Vietnam's foreign policy with the development of cultural diplomacy efforts to increase its soft power with countries after innovation until now.

1. Đặt vấn đề

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam, đất nước đã có những bước chuyển mình quan trọng dù tình hình thế giới và khu vực vẫn có nhiều bất ổn. Vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao do tăng trưởng kinh tế ở mức cao, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, chủ quyền lãnh thổ được giữ vững. Đây là giai đoạn Việt Nam đẩy mạnh phát triển đồng bộ, toàn diện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Hiện nay, các nhà lãnh đạo chính trị của các quốc gia đã hiểu ra rằng quyền lực đến từ sự thu hút, sức hấp dẫn của văn hóa, hệ thống chính trị của một xã hội ổn định, phát triển, hòa bình sẽ dễ dàng hóa giải các xung đột với các quốc gia khác. Vì thế, vai trò của ngoại giao văn hóa ngày càng được các quốc gia quan tâm nhiều hơn dù ngoại giao văn hóa đã tồn tại trong lịch sử ngoại giao Việt Nam và thế giới từ lâu. Ngày nay, ngoại giao văn hóa còn được xem là công cụ để tăng cường sức ảnh hưởng của các nước lớn và là yếu tố quan trọng cho việc quảng bá hình ảnh đất nước nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế đối với các nước vừa và nhỏ trong quan hệ quốc tế.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài viết là Ngoại giao văn hóa trong chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính sách, phương pháp hệ logic, phương pháp so sánh, tổng hợp, phân tích tài liệu nhằm phân tích các hoạt động ngoại giao văn hóa của Việt Nam có liên quan đến các vấn đề quốc tế và khu vực. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phân tích và xử lý thông tin nhằm đưa ra những giải pháp để phát triển ngoại giao văn hóa trong việc xây dựng quyền lực mềm cho Việt Nam trong tương lai.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tình hình thế giới, khu vực và Việt Nam từ sau 1986-nay

3.1.1. Tình hình thế giới

Từ năm 1986 cho tới nay, thế giới đang trong quá trình hình thành cấu trúc trật tự mới. Trật tự hiện nay không còn là đơn cực nhưng vẫn chưa phải đa cực (Phạm Minh Chính, 2018). Các nước lớn tăng cường cạnh tranh và chạy đua kinh tế, cải thiện quan hệ song phương, vừa hợp tác vừa tranh giành quyền lực, vừa kiềm chế lẫn so kè gay gắt lẫn nhau. Có thể nhận thấy những điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, có thể thấy, hiện nay, các nước lớn tiếp tục đóng vai trò chi phối thế giới, tận dụng mọi cơ hội tập hợp lực lượng để củng cố sức mạnh tổng hợp, vị thế của mình trên trường quốc tế, lợi dụng các thể chế quốc tế quyết tâm thực hiện lợi ích dân tộc. Sự đan xen giữa hợp tác và đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau làm cho mối quan hệ giữa các nước lớn ngày càng trở nên phức tạp hơn. Đứng đầu là Hoa Kỳ vẫn tiếp tục là một cường quốc có sức mạnh tổng hợp mạnh nhất. Trong khi đó, Liên minh châu Âu và Nhật Bản thì phát triển mạnh mẽ về kinh tế, còn Nga vẫn là cường quốc đáng

gờm về mặt quân sự. Và không thể không nhắc đến sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc, sự lớn mạnh của con rồng phương Bắc đã gây ảnh hưởng không ít đến vị trí và quyền lực của Hoa Kỳ trong quan hệ quốc tế. Đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất buộc các quốc gia cần phải điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình để phù hợp với trào lưu của thế giới, nhằm ứng phó với mọi thách thức, tìm kiếm sự bảo đảm an ninh trong tình hình mới và cơ hội để phát triển đất nước [13, tr.11].

Thứ hai, các nước lớn liên tục điều chỉnh chiến lược, gia tăng sức mạnh quân sự, tiếp tục can dự, chi phối an ninh, chính trị thế giới, khu vực và các nước khác. Vai trò của luật pháp quốc tế, thể chế quốc tế tăng lên trong quan hệ quốc tế. Ranh giới giữa chiến tranh và hòa bình, môi trường chiến lược diễn biến ngày càng phức tạp, thúc đẩy chạy đua vũ trang.

Không chỉ vậy, nhằm tạo dựng các trục hợp tác bao vây, kiềm chế Trung Quốc, Hoa Kỳ triển khai chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thúc đẩy nhanh và mạnh mẽ hơn quá trình tập hợp lực lượng ở khu vực; tìm cách lôi kéo các đối tác khác trong khu vực. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh lôi cuốn các nước tham gia sáng kiến “Vành đai, con đường” nhằm mở rộng ảnh hưởng chính trị, lợi ích của mình và ngăn chặn, phá thế bao vây, kiềm chế của Hoa Kỳ cùng với các đồng minh của Hoa Kỳ. Điều này tạo nên áp lực không nhỏ đối với các nước trong khu vực. Các nước lớn có thể sẽ sử dụng vai trò, ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế để gây sức ép đối với các nước trong khu vực, nhất là trong các tổ chức quốc tế và khu vực mà những nước này đóng vai trò chủ đạo. Bên cạnh sự cạnh tranh gay gắt, không loại trừ các nước lớn thỏa hiệp với nhau, ảnh hưởng đến lợi ích của các nước vừa và nhỏ [18].

Thứ ba, toàn cầu hoá đang là một xu hướng tất yếu và càng được mở rộng trên toàn thế giới. Toàn cầu hoá đã tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội và chính trị của các quốc gia. Thúc đẩy hợp tác, phân công

lao động quốc tế, kích thích sự tăng trưởng kinh tế, cạnh tranh quốc tế và tự do hóa thương mại, các hình thức hợp tác, liên kết kinh tế ngày càng phong phú. Tuy nhiên, những lợi ích và bất lợi do toàn cầu hóa đã tạo ra thêm khoảng cách phát triển giữa các quốc gia và trong mỗi quốc gia. Toàn cầu hóa đã khiến cho nhiều quốc gia đang ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau. Ngoài ra, toàn cầu hóa còn thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác để phát triển. Toàn cầu hóa tháo dỡ các rào cản đối với tự do thương mại làm cho môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt buộc các nước phải có thay đổi các chính sách cho phù hợp với xu thế nhằm quản lý các hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài ra, toàn cầu hóa đã tạo điều kiện để các quốc gia tiếp cận những thành tựu văn hóa, khoa học tiến bộ của nhau để cùng nhau góp sức vào sự phát triển của văn minh trên toàn thế giới. Bên cạnh các tác động tích cực như đã nêu trên, toàn cầu hóa đã tạo ra những thách thức và nguy cơ không nhỏ đối với các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Toàn cầu hóa làm tăng tính phụ thuộc của các nước này vào các nước lớn về vốn, công nghệ và thị trường, tạo ra nguy cơ đối với các nước đang phát triển bị lệ thuộc về kinh tế, từ đó sẽ dẫn đến bị lệ thuộc về chính trị, gây nguy hại về chủ quyền và an ninh quốc gia.

Cần phải kể thêm những xung đột về sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp đến an ninh-chính trị, biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng, dịch bệnh, ma túy, buôn lậu, tham nhũng... ngày càng trở thành những tác nhân lớn trong quan hệ quốc tế. Đặc biệt, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ, mở ra một thời đại mới về phát triển lực lượng sản xuất, dẫn tới sự thay đổi nền tảng trên mọi mặt của đời sống chính trị - xã hội của các nước và làm thay đổi tư duy trong việc đánh giá sức mạnh tổng hợp của các nước trên thế giới. (Ban tư tưởng-văn hoá TW, 2005, tr.39-40).

3.1.2. Tình hình khu vực

Hiện nay, khu vực châu Á-Thái Bình Dương nổi lên là khu vực năng động nhất thế

giới trong những năm gần đây và đã trở thành nơi tập trung nhiều lợi ích và ưu tiên chiến lược của tất cả các nước lớn trong quan hệ quốc tế [19, tr.5]. Xu thế này cho thấy hợp tác và phát triển giữa các liên kết trong khu vực, giữa các nước đang phát triển với các nước lớn là hệ quả tất yếu của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia. Xu thế cùng hợp tác để phát triển luôn là xu thế mà các nước lựa chọn. Các cường quốc đều tìm thấy lợi ích của mình khi tham gia vào liên kết này và đã có những điều chỉnh chính sách hợp lý, tăng cường cho việc phát triển liên kết với châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á. Là khu vực có vị trí địa chiến lược quan trọng nên khu vực này đã qua mặt Hoa Kỳ, EU về tăng trưởng GDP và đạt những thành tựu đầy ấn tượng trong những thập niên gần đây.

Sự trỗi dậy của châu Á-Thái Bình Dương khiến cho khu vực này có vai trò ngày càng tăng trên toàn cầu qua sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản về nguồn lao động, về vốn, về nguồn dự trữ ngoại tệ... Điều đáng chú ý là tại khu vực này dù phát triển mạnh mẽ nhưng vẫn luôn tiềm ẩn những nguy cơ như tranh chấp về ảnh hưởng về quyền lực, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, tài nguyên giữa các nước; những bất ổn về kinh tế- chính trị, xã hội sẽ tác động mạnh mẽ đến sự lựa chọn hay thay đổi chính sách của các nước cho phù hợp hơn với cục diện thế giới hiện nay [22, tr.298]. Riêng ASEAN đã nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước bằng cách đẩy nhanh quá trình xây dựng Cộng đồng dựa trên ba trụ cột: An ninh, Kinh tế, Văn hóa - Xã hội, đồng thời làm sâu sắc hơn nữa quan hệ với các đối tác đối thoại nhằm duy trì và phát huy vai trò trung tâm trong cấu trúc đang định hình ở khu vực. Dù vẫn còn không ít khó khăn nhưng xu thế đoàn kết cùng phát triển vẫn là đặc thù của khu vực này.

3.1.3. Bối cảnh Việt Nam

Việt Nam ở giai đoạn 1975-1986 do bị cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lạm phát tăng vọt lên đến 774,7% vào năm 1986, lòng tin của

nhân dân vào chế độ bị giám sát nghiêm trọng. Nếu để tình trạng này kéo dài, nguy cơ đất nước tụt hậu khá xa so với các nước xung quanh là điều không thể tránh khỏi [14, tr.63].

Tuy nhiên, sau đổi mới mặc dù còn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức song Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao và đã được xếp vào hàng các nước có thu nhập trung bình; tiềm lực quốc phòng - an ninh được củng cố, sự ổn định chính trị - xã hội được giữ vững trong một thế giới đầy biến động; quan hệ quốc tế được mở rộng hơn bao giờ hết, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tranh thủ được sự tín nhiệm cao của các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế. Sự phát triển mạnh về khoa học - công nghệ trên thế giới đi đôi với xu thế toàn cầu hóa gia tăng tạo thuận lợi cho Việt Nam tranh thủ các nguồn lực bên ngoài phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xu thế hòa bình, hợp tác ở khu vực và trên thế giới tạo thuận lợi cho Việt Nam triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, chính sách đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa. Một thuận lợi quan trọng khác là Việt Nam nằm ở khu vực có lợi thế về địa - chính trị, địa - kinh tế và địa - chiến lược, thu hút mối quan tâm của cả thế giới, nhất là các nước lớn. Tuy nhiên, Việt Nam còn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức do trình độ phát triển còn thấp, nguy cơ tụt hậu, nhất là về chất lượng và hiệu quả vẫn nghiêm trọng, khả năng cạnh tranh có nhiều hạn chế; tiếp tục phải đối phó với mối đe dọa về an ninh biển, đảo trên Biển Đông cũng như những diễn biến rất phức tạp ở khu vực và trên thế giới, trong đó có mối quan hệ vừa cạnh tranh quyết liệt, vừa dàn xếp giữa các nước lớn (Bộ Ngoại giao, 2019).

3.2. Đổi mới chính sách và thúc đẩy ngoại giao văn hóa trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam

Nhận thức được muốn phát triển mạnh mẽ kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội thì Đảng và Nhà nước Việt Nam cần phải điều chỉnh

chính sách đối ngoại cho phù hợp với tình hình mới trong nước và quốc tế. Vì thế, từ năm 1986 đến nay, đây là giai đoạn đổi mới, tập trung cho sự thay đổi và phát triển mạnh mẽ nhất của ngoại giao Việt Nam, với bước ngoặt mang tính quyết định đột phá trong chiến lược văn hóa khi bước vào thời kỳ đổi mới. Tiêu biểu với Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội VII năm 1991 đề ra việc đổi mới toàn diện xã hội. Lần đầu tiên, mục tiêu xây dựng “nền văn hoá Việt Nam có đặc trưng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã được chính thức đề ra đồng thời văn hóa cũng được coi là “nền tảng tinh thần của xã hội”. Văn hóa vừa là động lực vừa là mục tiêu phát triển của đất nước. Trong quá trình đổi mới, với một tầm nhìn và tư duy rộng lớn về quan hệ quốc tế, từ chủ trương “muốn là bạn” đến “sẵn sàng là bạn”, “là bạn, là đối tác tin cậy”, là “thành viên có trách nhiệm” của cộng đồng quốc tế; từ chỗ tập trung phá thế bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã từng bước hội nhập và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế một cách toàn diện [12, tr.131-132]. Đây là bước chuyển cơ bản mở ra thời kỳ mới trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước sau Chiến tranh Lạnh.

Bước vào thời kỳ đổi mới, để phát huy sức mạnh tổng hợp của công tác đối ngoại, ngoại giao văn hóa đã được nhấn mạnh và trở thành trụ cột thứ ba trong hoạt động đối ngoại nói chung, tạo nên quyền lực mềm theo phương châm giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế. Với tinh thần đó, Chính phủ đã ban hành các chiến lược riêng về ngoại giao văn hóa. Ngành ngoại giao xác định ngoại giao văn hoá đã trở thành một trong những trụ cột chính của ngoại giao Việt Nam hiện đại, bên cạnh ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế. Trong đó, ngoại giao văn hoá tạo nền tảng tinh thần, đóng vai trò mở đường cho ngoại giao chính trị và kinh tế. Ngoại giao kinh tế tạo nền tảng cơ sở vật chất để củng cố cho các mối quan hệ chính trị và văn hoá nhằm tạo thành sức mạnh cộng hưởng cho nền ngoại giao hiện đại. Nguyên

Bộ trưởng Bộ ngoại giao Nguyễn Dy Niên đã cho rằng: “Cùng với kinh tế đối ngoại và chính trị đối ngoại, văn hoá đối ngoại tạo thành thế kiềng ba chân vững chãi cho nước ta vươn ra hoà nhập với thế giới” (Nguyễn Dy Niên, 2003). Và nguyên Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Gia Khiêm đã khẳng định: “Cần đẩy mạnh ngoại giao văn hoá để trở thành một trụ cột cơ bản của ngoại giao” [17].

Trong quan hệ quốc tế, sức mạnh của mỗi quốc gia được xác định bằng nhiều nhân tố, trong đó không thể kể đến tầm quan trọng của ngoại giao văn hoá. Một trong những công cụ để thể hiện quyền lực mềm trong chính sách đối ngoại của quốc gia đó. Ngày 14-2-2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 208/2011/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược Ngoại giao văn hoá đến năm 2020, xác định 5 hoạt động chính của ngoại giao văn hoá, bao gồm: (i) Mở đường, khai thông quan hệ với các nước và khu vực có nhiều quan hệ với ta; (ii) Xúc tiến, tăng cường và làm sâu sắc hiểu biết với các quốc gia; (iii) Quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam trên trường quốc tế; (iv) Vận động để Việt Nam có nhiều di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận; (v) Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc (Bộ Ngoại giao, 2011). Tại Đại hội lần thứ XII, Đảng khẳng định rõ nhiệm vụ của đối ngoại gồm ba thành tố an ninh, phát triển và vị thế đất nước [10]. Đến Đại hội XIII (năm 2021) “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”[9].

Sau hơn một thập niên thúc đẩy công tác ngoại giao văn hóa, chính phủ Việt Nam đã từng bước hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật bằng cách xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung, ban hành đúng thời điểm, từng bước đưa sự nghiệp văn hóa thích nghi với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa phù hợp với tình hình mới. Nhiều bộ Luật quan trọng liên quan đến văn hóa đã được ban hành như: Luật Di sản văn hóa, Luật Điện ảnh, Luật Xuất bản, Luật tín ngưỡng và tôn giáo, Luật Du lịch, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật quảng cáo, Pháp lệnh Thư viện... Bên cạnh đó là hàng loạt các Nghị định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật góp phần hoàn thiện thể chế văn hoá đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Nhiều Chiến lược ngành đã được phê duyệt, làm căn cứ để triển khai các hoạt động trong thực tiễn như Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 (ban hành năm 2009); Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020 (ban hành năm 2011); Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (ban hành năm 2011); Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (ban hành năm 2012); Chiến lược văn hóa đối ngoại đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 (ban hành năm 2015); Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 (ban hành năm 2016)... Nhìn chung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đang được nỗ lực hoàn thiện, cố gắng theo kịp yêu cầu của thực tiễn, tiến gần hơn với các chuẩn mực quốc tế, đóng góp cho việc tạo dựng được môi trường pháp lý thông thoáng, thuận lợi hơn cho sự phát triển ngoại giao văn hóa (Bùi Hoàng Sơn, 2021).

3.2.1. Ngoại giao văn hóa thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước trong quan hệ quốc tế

Kể từ sau đổi mới, ngoại giao Việt Nam đã tích cực triển khai các hoạt động ngoại giao văn hoá trên nhiều hướng, ở các cấp độ song phương và đa phương với nhiều hình thức khác nhau và thu được những kết quả đáng

khích lệ, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước. Với nhận thức Việt Nam là một bộ phận của thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế tại Đại hội IX (ĐCSVN, 2001) được triển khai mạnh mẽ, sau đó mở rộng sang các lĩnh vực khác và hình thành chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế tại Đại hội XI (ĐCSVN, 2011).

Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 189 trong 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, trong đó có 30 đối tác chiến lược, đối tác toàn diện gồm tất cả 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu (G7) và 17 trong 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20)... Từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung và khép kín, đến nay Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có liên kết kinh tế sâu rộng, đã ký và tham gia 17 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có các FTA thế hệ mới; kim ngạch xuất nhập khẩu tương đương khoảng 200% GDP, thu hút khoảng 400 tỷ USD vốn FDI đăng ký,...

Ngoài ra, Việt Nam còn là thành viên của hầu hết tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương quan trọng, đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn cũng như hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế như Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (2008-2009 và 2020-2021), Hội nghị cấp cao ASEAN (1998, 2010 và 2020), Hội nghị cấp cao ASEM (2004), Hội nghị thượng đỉnh APEC (2006, 2017), Diễn đàn Kinh tế giới về ASEAN (2018), Hội nghị thượng đỉnh Hoa Kỳ-Triều Tiên (2019)... (Bộ ngoại giao, 2019, tr.191)

Bên cạnh đó, Việt Nam tăng cường hợp tác trên lĩnh vực ngoại giao văn hoá tại các diễn đàn song phương và đa phương như UNESCO, ASEAN, ASEM, EAS, Tổ chức Pháp ngữ nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước trong khu vực và thế giới. Nhằm quảng bá hình ảnh Việt Nam với các

nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác ngày càng lan rộng trên thế giới. (Vũ Dương Huân, 2006, tr. 26). Những thành tựu đối ngoại nói trên là nỗ lực không ngừng của Đảng và nhân dân cả nước, như Nghị quyết Đại hội XIII đã khẳng định “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” đã đóng góp rất quan trọng của ngoại giao văn hóa, quyền lực mềm trong chính sách đối ngoại của Việt Nam [11, tr.129].

3.2.2. Ngoại giao văn hóa quảng bá và vận động mạnh mẽ văn hoá Việt Nam ra thế giới

Tại Hội nghị TW lần thứ IX, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu “Văn hoá phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hoá” (BCH TW Đảng, 2014). Như vậy, có thể khẳng định rằng ngoại giao văn hoá ở Việt Nam là một lĩnh vực hoạt động ngoại giao, được thực hiện bằng cách áp dụng các hình thức văn hoá như: nghệ thuật, lịch sử, tư tưởng, truyền thống văn hoá, thông tin để đạt được các mục tiêu cơ bản của chính sách đối ngoại quốc gia, tạo hình ảnh tốt đẹp của đất nước, quảng bá văn hoá và ngôn ngữ quốc gia nhằm tạo uy tín, vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Thời gian qua, Việt Nam đã đẩy mạnh việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hoá Việt Nam thông qua việc giới thiệu các sản phẩm văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc với việc tổ chức các chương trình văn hoá nhân dịp các sự kiện chính trị lớn như các chuyến thăm của các lãnh đạo cấp cao của Việt Nam ra nước ngoài và lãnh đạo các nước khác đến Việt Nam, kỷ niệm năm chẵn, ngày thiết lập quan hệ ngoại giao, tổ chức các Tuần/Ngày Việt Nam tại các nước để tăng cường sự hiểu biết nhiều mặt về đất nước Việt Nam, kết hợp các nội dung văn hoá, kinh tế, đối ngoại, chuyển tải thông điệp phù hợp tới từng nước như: Năm Pháp tại Việt Nam (2013), Năm Việt Nam tại Pháp (2014), các hoạt động sôi nổi tại Đức, Nga, Anh, Nhật, Ý, Trung Đông... đã

thu hút sự quan tâm của các giới chính trị, kinh doanh, thông tấn báo chí, kiều bào Việt Nam tạo nên hiệu ứng lan toả rộng rãi trong cộng chúng và nhiều lĩnh vực.

Đặc biệt, hoạt động ngoại giao văn hoá còn góp phần tích cực vận động UNESCO công nhận 38 danh hiệu thế giới tại Việt Nam, như: Hoàng thành Thăng Long là Di sản văn hóa thế giới hay Ca trù, Quan họ, Đờn ca tài tử là Di sản văn hóa phi vật thể... Sự công nhận các danh hiệu có ý nghĩa hiệu quả, thiết thực vì không những góp phần gìn giữ sự đa dạng, phong phú của nền văn hoá Việt Nam, đóng góp kho tàng văn hoá nhân loại, mà còn góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, tăng sức lôi cuốn của Việt Nam, thúc đẩy phát triển du lịch và kinh tế- xã hội. Nhân chuyến thăm UNESCO vào ngày 5/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, hai bên cũng đã ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và UNESCO giai đoạn 2021 - 2025. Thúc đẩy các lợi ích của Việt Nam tại diễn đàn UNESCO. Điều này cho thấy, ngoại giao văn hóa đã góp phần tiếp cận có hiệu quả các nguồn lực, vận dụng các ý tưởng, kinh nghiệm của UNESCO để phục vụ lợi ích, nhu cầu phát triển đất nước trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và khoa học [7].

Bên cạnh đó, ngoại giao văn hoá cũng góp phần đưa các thương hiệu du lịch, thương hiệu sản phẩm của Việt Nam đến với đông đảo bạn bè quốc tế, đồng hành cùng các địa phương trong nhiều chương trình lễ hội có tính nước ngoài như: Festival Huế, Festival hoa Đà Lạt, Festival pháo hoa quốc tế Đà Nẵng... Các lễ hội này đã trở thành thương hiệu có sức thu hút đối với các đoàn ngoại giao tại Việt Nam, với bạn bè quốc tế và khách du lịch (Phạm Sanh Châu, 2018). Ngoài ra, Việt Nam đã tăng cường giao lưu, trao đổi văn hoá, nghệ thuật với các nước để tạo cơ hội, điều kiện cho cho những người làm công tác nghệ thuật và công chúng Việt Nam được tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhất là các ý tưởng, sáng kiến trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, thông tin.

Mục đích là vừa quảng bá văn hoá Việt Nam, vừa học hỏi thêm kinh nghiệm các nước, tranh thủ sự hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế- xã hội và nhất là đóng góp vào việc định hướng, xây dựng chính sách đối ngoại của quốc gia [16, tr.18].

3.3. Hạn chế

Cùng với những thuận lợi như đã nêu trên, các hoạt động ngoại giao văn hóa của Việt Nam trong thời gian gần đây vẫn có những hạn chế như nhận thức về tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa chưa đồng đều ở các cấp Bộ, Ngành, địa phương, sự phân công, phối hợp công tác giữa các cơ quan liên quan đôi khi còn chông chéo, chưa thật sự chặt chẽ, nhịp nhàng để đạt hiệu quả cao. Kinh phí dành cho các hoạt động ngoại giao văn hóa còn hạn chế, các nhân tố tham gia vào các hoạt động ngoại giao văn hóa chỉ giới hạn trong chính phủ và các cơ quan nhà nước, chưa xây dựng thành công thông điệp truyền thông độc đáo về ngoại giao văn hóa để thu hút sự chú ý của cộng đồng quốc tế.

3.4. Giải pháp

Sau hơn 35 năm đổi mới, Việt Nam đã tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong việc phát huy ngoại giao văn hóa như quyền lực mềm trong các mối tương quan toàn cầu. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngoại giao văn hóa nhằm thu hút sự chú ý của cộng đồng quốc tế để phát triển kinh tế, xã hội trong tương lai Việt Nam cần tiếp tục đổi mới về chính sách cũng như các phương pháp quản lý như sau:

Thứ nhất, tuyên truyền, bồi dưỡng và nâng cao nhận thức về ngoại giao văn hóa cho toàn dân.

Thứ hai, tăng cường công tác nghiên cứu và dự báo về xu hướng phát triển của ngoại giao văn hóa.

Thứ ba, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động các mạng lưới ngoại giao văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ tư, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành ngoại giao.

Thứ năm, kết hợp chặt chẽ ngoại giao văn

hóa đa phương với ngoại giao văn hóa song phương.

Thứ sáu, xây dựng và quảng bá nhằm phát triển mạnh mẽ thương hiệu của quốc gia và vận động các danh hiệu quốc tế.

Thứ bảy, phát triển các giải pháp về truyền thông.

4. Kết luận

Có thể nói, trong quan hệ quốc tế sức mạnh của mỗi quốc gia sẽ được xác định bằng nhiều nhân tố, trong đó không thể không kể tới vai trò của ngoại giao văn hóa, một trong những công cụ thể hiện quyền lực mềm trong chính sách đối ngoại của quốc gia đó. Trong thời đại ngày nay, các quốc gia dù là cường quốc hay là một đất nước đang phát triển, đều phải vận dụng ngoại giao văn hóa như một công cụ hữu hiệu nhằm khẳng định hình ảnh của đất nước mình với cộng đồng quốc tế. Hơn ba mươi lăm năm đổi mới và thực sự chỉ hơn 1 thập niên thúc đẩy công tác ngoại giao văn hoá nhưng Việt Nam đã nhận thức rõ vai trò quan trọng của ngoại giao văn hóa. Việt Nam đã từng bước hoàn thiện các hình thức ngoại giao nhằm đạt hiệu quả hơn trong chính sách đối ngoại của mình. Quá trình đổi mới đã đem lại những thành tựu phát triển to lớn và ý nghĩa lịch sử cho Việt Nam hiện nay. Dù vẫn còn những khó khăn nhưng Việt Nam đã cố gắng vượt qua mọi khủng hoảng về kinh tế-xã hội để gia nhập nhóm nước có mức thu nhập trung bình so với các quốc gia khác; chính trị-xã hội của đất nước ổn định; an ninh-quốc phòng luôn được tăng cường; văn hóa-xã hội đã có những bước phát triển vượt bậc để cố gắng hoà nhập với các nước trên thế giới. Sức mạnh của đất nước được nâng lên với các mối quan hệ đối ngoại rộng mở. Chính điều này đã làm cho vị thế và uy tín của Việt Nam sẽ tiếp tục được nâng cao hơn nữa trên trường quốc tế trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Ban tư tưởng-văn hoá TW. (2005). *Đổi mới ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.

2. BCH TW Đảng. (2014). *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ IX*. Nxb Chính trị-quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Ngoại giao. (2011). Quyết định số 208/QĐ-TTg, ngày 14-2-2011, *Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2020*.
4. Bộ Ngoại giao. (2019). *Ngoại giao Việt Nam 2001-2015*. Hà Nội: Nxb Chính trị-quốc gia.
5. Phạm Sanh Châu. (2018). *Ngoại giao văn hoá: Trụ cột của nền ngoại giao toàn diện Việt Nam*. Hà Nội: Tạp chí *Cộng Sản*.
6. Phạm Minh Chính. (2018). *Những biến động mới của tình hình thế giới, khu vực và chính sách của Việt Nam. Trong Biến động của tình hình thế giới: Cơ hội, thách thức và triển vọng*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
7. Việt Cường. (2021). *Thủ tướng Phạm Minh Chính thăm và làm việc tại Trụ sở UNESCO*, VTV News.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội: Nxb Sự thật.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb Chính trị-quốc gia.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb Chính trị-quốc gia.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nxb Chính trị-quốc gia.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2015). *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.
13. Vũ Văn Hoà. (2005). Những nhân tố quốc tế tác động đến quá trình thực hiện chính sách đối ngoại của Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong *Quá trình triển khai thực hiện chính sách đối ngoại của Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Lý luận-chính trị.

14. Vũ Dương Huân. (2002). *Ngoại giao Việt Nam hiện đại - Vì sự nghiệp đổi mới (1975-2002)*. Hà Nội: Học viện quan hệ Quốc tế.
15. Vũ Dương Huân. (2006). *Nét mới của ngoại giao thế kỷ 21 và những vấn đề đặt ra cho ngoại giao Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số 4(67).
16. Vũ Dương Huân. (2007). *Vài suy nghĩ về ngoại giao văn hoá*. Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số 4(71).
17. Phạm Gia Khiêm. (2007). *Vươn lên tầm ngoại giao khu vực và quốc tế*. Tuần báo Thế giới và Việt Nam, số 40-41.
18. Nguyễn Đức Lợi. (2022). *Tác động của tình hình thế giới, khu vực đối với Việt Nam trong bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc*. Tạp chí Tuyên giáo.
19. Phạm Bình Minh. (2013). *Ngoại giao Việt Nam năm 2012: Vượt qua thách thức, vững bước hội nhập quốc tế*. Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, 1(92), 5-16.
20. Nguyễn Di Niên. (2003). *Thế giới năm 2002, thành tựu đối ngoại và nhiệm vụ trước mắt của chúng ta*. Tạp chí Đối ngoại, số 28.
21. Bùi Hoài Sơn. (22/11/2021). *Cơ hội và thách thức đối với phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030*. Khai thác từ <https://hdll.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-su-phat-trien-van-hoa-viet-nam-den-nam-2030-phan-1.html>
22. Hà Anh Tuấn. (2010). *Cục diện Đông Nam Á đến 2020*. Trong Cục diện thế giới năm 2020. Hà Nội: Nxb Chính trị-quốc gia.